

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 133
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo thịt gà, bí đỏ, phô mai, đậu hà lan, mồng tơi, hành lá, ngò rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt heo kho củ sắn, màu điều, nước dừa, hành lá
- Canh rau dền đỏ nấu thịt bò, nấm kim châm, hành lá
- Bông cải trắng luộc
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Súp tôm rau củ (khoai lang, bông cải xanh, nấm đùi gà, bột năng, trứng gà, hành lá, ngò rí)

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,800	3,140	56,520
2	0494	Đường cát	1,200	3,880	46,560
3	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
4	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
5	0004	Gạo tẻ máy	9,500	2,560	243,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	400	5,460	21,840
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
9	0185	Tỏi ta	200	7,460	14,920
10	0002	Gạo nếp (loại thường)	1,200	3,050	36,600
11	N0918	Phô mai Con Bò Cười	90	40,666.7	36,600
12	0085	Bí đỏ (bí ngô)	800	4,200	33,600
13	0055	Đậu Hà lan (hạt)	150	79,170	118,755
14	0163	Rau mồng tơi	400	4,100	16,400
15	N0772	Thịt ức gà	1,600	12,920	206,720
16	N0861	Dầu màu điều	80	42,900	34,320
17	0028	Củ sắn dây	600	2,520	15,120
18	0537	Nước dừa non tươi	2,500	3,890	97,250
19	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	2,000	21,630	432,600
20	N0770	Thịt nạc dăm	2,100	18,480	388,080
21	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	1,100	8,610	94,710
22	N0965	Nấm kim châm	500	10,610	53,050
23	N0767	Rau dền đỏ	3,100	4,520	140,120
24	0286	Thịt bò loại II	1,400	36,750	514,500

25	0649	Bột năng	500	4,675	23,375
26	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	900	7,880	70,920
27	0031	Khoai lang	1,100	4,200	46,200
28	0635	Nấm đùi gà	500	11,450	57,250
29	0451	Trứng gà công nghiệp	600	7,333.3	44,000
30	0424	Tôm sú	2,100	32,030	672,630
31	0457	Sữa bột toàn phần	3,077.2	20,500	630,826
32	0455	Sữa chua	6,650	9,440	627,760
33	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
Tổng cộng					4,921,001

Tổng tiền thực phẩm	4,921,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,921,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	19,684,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	19,684,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan